

Lịch sử Y miếu Thăng Long - Hà Nội

Nguyễn Thị Dương¹

¹ Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: nguyenduonghn74@gmail.com

Nhận ngày 26 tháng 1 năm 2020. Chấp nhận đăng ngày 2 tháng 3 năm 2020.

Tóm tắt: Cho đến nay, lịch sử Y miếu Thăng Long - Hà Nội vẫn còn chưa được biết tới nhiều, nhất là giai đoạn từ cuối thế kỷ XIX trở đi, khi thành phố Hà Nội được thành lập và trở thành nhượng địa của Pháp, thì dường như còn bỏ ngỏ. Thông qua một nguồn tài liệu chưa từng được khai thác trong các bài viết về Y miếu trước đây (tài liệu lưu trữ của chính quyền thuộc địa), bài viết mang tới những thông tin về lịch sử Y miếu từ cuối thế kỷ XIX cho tới nửa đầu thế kỷ XX với những thăng trầm mà di tích này đã trải qua cùng với những biến động chính trị của lịch sử Việt Nam nói chung cũng như của lịch sử Hà Nội nói riêng.

Từ khóa: Lịch sử, Thăng Long - Hà Nội, Y miếu.

Phân loại ngành: Sử học

Abstract: Until now, the history of the Temple of Medicine of the capital of Thang Long, now Hanoi, is still not much known, especially the period from the end of the 19th century onwards, when the city of Hanoi was established and became a concession of France, which seems to be not studied yet. Through a source that has not been explored - old writings on the temple, which are archives of the colonial government, the author sheds light on the history of the temple from the late 19th century to up to the first half of the 20th century with the ups and downs that the relic has experienced along with the political vicissitudes of Vietnamese history in general and Hanoi's history in particular.

Keywords: History, Thang Long - Hanoi, Temple of Medicine.

Subject classification: History

1. Mở đầu

Hiện tọa lạc tại số 12 phố Y miếu, Phường Văn Miếu, Quận Đống Đa, Hà Nội, Y miếu -

noi thờ phụng các vị tiên tổ nghề y và các danh y Việt Nam là một trong những di tích hiếm hoi liên quan tới lịch sử Đông y ở Việt Nam. Tuy nhiên, những gì hiện biết về

lịch sử Y miếu Thăng Long - Hà Nội không nhiều, nhất là giai đoạn từ cuối thế kỷ XIX trở đi, khi thành phố Hà Nội được thành lập và trở thành thành phố nhượng địa của Pháp, thì dường như còn bỏ ngỏ. Để lấp khoảng trống này và giới thiệu về lịch sử Y miếu Thăng Long - Hà Nội một cách đầy đủ hơn, bài viết ngoài việc điểm lại những tư liệu đã được biết tới về Y miếu sẽ bổ sung vào việc tìm hiểu lịch sử Y miếu thông qua một nguồn tài liệu chưa từng được khai thác trước đây, đó là tài liệu lưu trữ của chính quyền thuộc địa. Bài viết nghiên cứu về Y miếu qua những tư liệu đã được công bố và lưu trữ nửa đầu thế kỷ XX.

2. Y miếu qua các tài liệu trước thế kỷ XX

So với Y miếu ở Huế (nơi thờ phụng các vị tiên tổ ngành y, đôi khi được gọi miếu Tiên y) ở Huế được dựng vào năm Minh Mạng thứ 6 (năm 1825) thì Y miếu ở Hà Nội còn có niên đại sớm hơn. Theo hai tài liệu chữ Hán là *Y miếu bi văn*² [10] và *Y miếu ký* (còn có tên *Thăng Long Y miếu trùng tu ký*) [3] của Phạm Quý Thích (1760-1825), Y miếu Thăng Long được khởi dựng từ năm Canh Ngọ niên hiệu Cảnh Hưng Triều Lê (tức năm 1750), trải qua một lần trùng tu vào năm Giáp Ngọ (năm 1774)³ [5], [6] và lần trùng tu tiếp theo do Uân Hòa tử - người đứng đầu Lương y ty Bắc thành xướng suất, diễn ra vào khoảng 1810-1811 Triều vua Gia Long [3]. Cho tới năm cuối thập niên 30 của thế kỷ XX, với bài *Thăm tòa Y miếu*, đôi điều về lịch sử Y miếu được hé lộ khi Nguyễn Di Luân, chủ hiệu thuốc Nam Thiên đường ở Hà Nội trong lần đi thăm Y miếu và khu vực xung quanh vào mùa xuân

năm 1939 đã phát hiện ra một điều khác thường, đó là việc tấm bia của Y miếu (bia dựng năm 1774) không nằm trong khuôn viên Y miếu mà được dựng ở trong chùa Tàu (tức chùa Phổ Giác) gần đó, cùng với tấm bia kỷ niệm võ công của các võ tướng đời Hậu Lê: "... Cái bia dựng ở số⁴ hè chùa kia, tưởng rằng tấm bia kỷ niệm công đức gì của chùa ấy, nào ngờ chính cái bia ấy lại là cái bia lịch sử của tòa Y miếu vậy, không hiểu sao tòa Y miếu dựng ở một nơi rộng rãi phong quang như vậy, có đền có miếu hắt hoi mà sao lại không dựng tấm bia ở ngay sân Y miếu mà lại mang bia ấy dựng ở số cửa Bồ đề là một nơi u tịch ít ai để ý đến? Vậy thì ai mang bia ra vứt ở đây? Vì có gì?" [7].

Thắc mắc của Nguyễn Di Luân được giải đáp nhờ công trình khảo cứu công phu về Hà Nội, đó là cuốn *Hà Nội nửa đầu thế kỷ XX* của Nguyễn Văn Uẩn⁵. Khi viết về khu vực tả biên Giám cũ, tác giả cho biết: "... Chùa Phổ Giác thì mới có ở khu vực này vào năm 1887; người Pháp mở mang khu hành chính ở bờ phía đông Hồ Gươm đã cho di ngôi chùa Phổ Giác (tục gọi chùa Tàu) và bia miếu Dương Võ (miếu thờ tượng tá đạo tượng binh thời Hậu Lê) về chỗ nền cũ Y miếu thuộc đất làng Lương Sứ ..." [9, tr.958]. Ở một đoạn khác, tác giả cũng lại nhắc tới Y miếu khi viết về khu tứ giác nằm giữa các phố Sinh Từ, Văn Miếu, khu Nhà ga xe lửa và khu Lương Sứ: "... Đó là một khu vực nằm trên đất cũ các làng xóm có tên văn học như Văn Mạc, Thanh Ngô, Ngự Sứ, Yên Hòa, thuộc tổng Hữu Nghiêm huyện Thọ Xương. Những địa danh này còn nhắc nhở cái thịnh thời vừa qua không lâu của nền văn hóa nho học phong kiến... Khu vực này chỉ còn mấy di tích cũ bị bỏ mặc tòi tàn giữa cái quang

cảnh bùn lầy nước đọng hôi hám. Đình thôn Yên Hòa ở cuối phố Đình Tiên Hoàng (nay là Trần Quý Cáp), đình còn có tên thông thường là đình Cà, có lẽ vì chỗ đất hoang chung quanh đình có nhiều gia đình nghèo đến dựng túp lều ở tạm, làm nghề muối cà bát, cà pháo và buôn cà các nơi về bán trong chợ Cửa Nam. Bên trong còn có chùa Quan (Quang?) Ninh (Minh?) và Y miếu. Chùa thì nhỏ, không có gì đặc biệt, còn Y miếu thì mới được dựng lại giữa một vườn cây thuốc Nam, còn nền Y miếu cũ là ở chỗ chùa Phổ Giác, hay chùa Tàu, do chính quyền thành phố cho di từ phía đông Hồ Gươm đến, khoảng năm 1887. Không còn ai nhớ được chỗ nào là Đốc Học Đường đã bị đổ nát và dỡ bỏ, chỗ nào là di chỉ của đền Trung Liệt mà Hoàng Cao Khải đưa về dựng ở Thái Hà áp...” [9, tr.962].

Như vậy, bài viết của Nguyễn Di Luân, nhất là công trình khảo cứu của Nguyễn Văn Uẩn cho thấy nền cũ Y miếu dựng từ thời Hậu Lê chính là chùa Phổ Giác từ năm 1887 trở đi, khi mà người Pháp di dời chùa cùng bia miếu Dương Võ vốn ở bên bờ phía đông Hồ Gươm để lấy chỗ xây tòa Đốc lý Hà Nội. Khi chùa Phổ Giác được dời về nền cũ Y miếu thì tấm bia của Y miếu vẫn còn ở nguyên đó, bởi thế mà Nguyễn Di Luân (năm 1939) mới có thắc mắc. Đặc biệt, Nguyễn Văn Uẩn còn cho rằng, Y miếu mới nằm giữa vườn cây thuốc Nam (ở cạnh chùa Quang Minh, phía trong đình thôn Yên Hòa) là Y miếu đã được giới Đông y quyền tiền dựng lại vào năm 1930. Câu hỏi được đặt ra ở đây là: Chùa Phổ Giác được dời tới “nền Y miếu cũ” vào khoảng năm 1887, vậy thì sự biến mất của Y miếu Thăng Long diễn ra khi nào và trong hoàn cảnh nào? Là do hỏng nát hay bị phá hủy? Và nữa, khi Hà Nội không có Y miếu nữa

thì việc thờ phụng các vị tổ nghề y liệu có còn được duy trì?

Giở lại những trang sử Hà Nội, thành phố Hà Nội được thành lập từ 1888 và cũng từ đây, một phần đất Hà Nội chính thức bị cắt nhường cho Pháp⁶ [2, tr.30]. Năm 1895, thành phố nhượng địa bắt đầu được mở rộng. Năm 1899, khu ngoại ô Hà Nội được thành lập gồm nhiều xã thuộc các huyện Vĩnh Thuận, Từ Liêm, Thanh Trì, Thọ Xương và chính thức mang tên huyện Hoàn Long vào cuối năm 1899 và còn được mở rộng thêm lần nữa, từ năm 1915 thì trực thuộc tỉnh Hà Đông.

Trong khi địa giới thành phố Hà Nội dần mở rộng ra thì địa giới tỉnh Hà Nội bị đẩy lui về phía Tây Nam: “Ngày 26/12/1896, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định chuyển tỉnh lỵ Hà Nội vào vùng đất làng Cầu Đor thuộc tổng Thanh Oai Thượng, huyện Thanh Oai. Năm 1902 đổi tỉnh Hà Nội thành tỉnh Cầu Đor, lấy Cầu Đor làm tỉnh lỵ. Năm 1904, tỉnh Cầu Đor đổi thành tỉnh Hà Đông...” [1, tr.14]. Rất nhiều thay đổi của Hà Nội đều được thể hiện rõ qua tài liệu lưu trữ của chính quyền thuộc địa. Là một thực thể văn hóa của Hà Nội, những thay đổi của Y miếu Hà Nội cũng được phản ánh trong một số phong thuộc khối tài liệu lưu trữ của chính quyền thuộc địa, sẽ được chúng tôi tiếp tục xem xét ở mục dưới đây.

3. Y miếu qua các tài liệu lưu trữ nửa đầu thế kỷ XX

Tài liệu liên quan tới Y miếu thuộc các phong Phủ Thống sứ Bắc Kỳ, phong Tòa công sứ Hà Đông, phong Sở Địa chính và Đất đai thành phố Hà Nội, hiện được lưu

giữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I (Hà Nội), đã không chỉ giải đáp cho những câu hỏi nêu trên mà đồng thời cung cấp những thông tin chưa được biết tới trong lịch sử Y miếu Hà Nội ở nửa đầu thế kỷ XX.

Tài liệu thứ nhất, hồ sơ 46.732 thuộc phong Thống sứ Bắc Kỳ có niên đại 1905-1906 (4 tờ) gồm báo cáo, thư từ trao đổi giữa Tổng đốc tỉnh Hà Đông với Công sứ Pháp tại Hà Đông, Công sứ Pháp tại Hà Đông với Thống sứ Bắc Kỳ, Đốc lý Hà Nội với Thống sứ Bắc Kỳ liên quan tới việc các nhà nho đề nghị lấy lại ngôi đền thờ các vị tiên tổ nghề y ở thôn Văn Tân (ngoại ô Hà Nội). Đáng chú ý nhất trong số đó là Báo cáo ngày 11/9/1905 của Tổng đốc tỉnh Hà Đông gửi Công sứ Pháp tại Hà Đông cho biết, vào cuối thế kỷ XIX, sau khi Y miếu đổ nát, việc thờ phụng các vị tiên y vẫn được duy trì tại đền Trung Liệt cũ, sau khi đền Trung Liệt được dời về làng Nam Đồng vào năm 1890. Tài liệu này cũng nói rõ, đền Trung Liệt cũ chuyển thành nơi thờ tự các vị tiên y đã được 14 năm, so với niên đại của tài liệu (năm 1905) thì có nghĩa bài vị các vị tổ ngành y được chuyển vào thờ trong đền Trung Liệt cũ từ năm 1891. Cơ sở thờ tự này đã chính thức được Lương y ty trông coi. Tháng 8/1904, người của Lương y ty tới tế lễ thì bị dân thôn Văn Tân cản trở không cho vào. Và trước bài vị của 3 vị tiên tổ nghề y (Thần Nông, Phục Hy, Hoàng Đế), người dân Văn Tân đặt ngai thờ Thành hoàng của thôn. Tổng đốc Hà Đông nhấn mạnh rằng, ngôi miếu này vốn trước đây được dựng bằng chi phí bản tỉnh để thờ các vị trung thần, sau đó chuyển thành nơi thờ phụng các vị tổ nghề y thì nó vẫn thuộc về bản tỉnh, cho dù hiện tại miếu nằm trong địa giới thành phố

Hà Nội. Vì vậy, Tổng đốc Hà Đông đề nghị Công sứ Pháp tại Hà Đông viết thư cho Đốc lý Hà Nội để yêu cầu thôn Văn Tân đưa ngai thờ Thành hoàng ra khỏi Y miếu.

Dẫu vậy, năm 1916 lại xảy ra vụ việc hương chức làng An Hòa xin lấy lại cơ sở thờ phụng Y miếu, theo hồ sơ ký hiệu 2853. Tài liệu này thuộc phong Tòa công sứ Hà Đông, gồm 2 văn bản là tờ Bẩm của dân làng An Hòa gửi Công sứ Hà Đông (tháng 5/1916) và báo cáo của Tri huyện Hoàn Long gửi Tổng đốc Hà Đông (ngày 3/6/1916). Tờ bẩm của dân làng An Hòa nguyên văn bằng tiếng Việt (có kèm bản dịch tiếng Pháp), cho biết từ khi đền Trung Liệt được dựng mới ở ấp Thái Hà, đền Trung Liệt cũ trở thành nơi thờ các vị tiên y, nhưng từ đó không thấy các nghi lễ được tiến hành và trong miếu hiện có người đến ở làm đơ bản và hư hỏng, vì thế họ muốn xin nhận và sửa sang Y miếu thành nơi thờ thành hoàng của làng. Nguyên văn tờ bẩm như sau:

“Bẩm quan Công sứ Hà Đông,

Chúng tôi là dân làng An Hòa thuộc hộ thứ sáu tỉnh Hà Nội, xin quan lớn xét nguyên làng chúng tôi có một cái chùa gọi là Y miếu thuộc về tỉnh Hà Đông, xưa nay vẫn để thờ các trung thần. Từ khi quan tỉnh ấy đem các bia thờ về đình ấp Thái Hà, thời cái chùa ấy để thờ các ông thầy thuốc, song từ khi ấy không có tế lễ gì ở đây. Trong chùa hiện chỉ có mấy người ở làm giờ bưng hư hỏng. Vậy chúng tôi xin quan lớn cho phép chúng tôi nhận lấy chùa ấy, sửa sang lại để làm chỗ thờ đức thành hoàng làng chúng tôi” [8].

Báo cáo của Hoàng Huân Trung - Tri huyện Hoàn Long, ngoài việc mô tả vị trí Y miếu (làng An Hòa, khu Văn Tân), cách

bày trí trong Y miếu (bài vị chính giữa thờ Tam thánh: Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế, bên phải thờ thánh sư tiên hiền Nho học, bên trái tiên y các đời), cũng cho biết việc hiện tại có hai, ba người đàn ông bày biện đồ hút thuốc phiện trong Y miếu khiến cho Y miếu có vẻ dơ bẩn. Một trong số đó là Nguyễn Đình Khê, quê ở Khê Tang (Thanh Oai), khi được hỏi thì khai báo rằng đã sống ở đó từ 7 năm nay để quét dọn và trông coi Y miếu, dưới sự cho phép của một người tên là Cửu Tịch và hàng năm vào các tiết lễ xuân, thu (trước ngày lễ tế ở Văn miếu), các quan tỉnh đều cử người tới hành lễ. Bên cạnh lời khai của Nguyễn Đình Khê, báo cáo của Tri huyện Hoàn Long cũng ghi nhận kiến nghị của dân làng An Hòa. Theo đó, ngôi đền có tên Trung Liệt vốn do “cụ Quận Nguyễn” (tức Nguyễn Hữu Độ) dựng. Vào năm Đồng Khánh thứ 3 (tức năm 1888) đền Trung Liệt được dựng mới ở ấp Thái Hà, do đó đền Trung Liệt cũ được dùng để thờ Tam thánh và các thầy thuốc giỏi các đời. Dẫu vậy, theo dân làng An Hòa thì từ mười năm nay, các quan tỉnh không còn cử người về làm lễ ở Y miếu nữa. Hiện có một số người sống ở đó khiến nơi này trở nên không sạch sẽ. Vì ngôi đình làng An Hòa bị hỏng nát, dân làng nghèo không có kinh phí sửa chữa cho nên dân làng An Hòa xin được sử dụng Y miếu làm nơi thờ thành hoàng làng. Tuy nhiên, Tổng đốc Hà Đông lúc đó là Hoàng Trọng Phu đã không đồng ý với tờ bẩm của dân làng An Hòa, nhờ vậy việc thờ phụng các vị tổ ngành y vẫn được tiếp tục tiến hành tại đền Trung Liệt cũ.

Tài liệu thứ ba thuộc phong Sở Địa chính và Đất đai thành phố Hà Nội nói về Y

miếu Hà Nội trong các thập kỷ 1930, 1950 với nhan đề ghi trên bìa hồ sơ 782 “Fonctionnement du Temple de Y miếu sis à la rue de Ngô Sĩ Liên d’Hanoi, 1932-1953”. Theo hồ sơ này, vào các năm 1932, 1933 dân xóm Trung Liệt đã làm tờ Bẩm trình lên quan Đốc lý Hà Nội đề nghị chính quyền thành phố xử lý việc Nguyễn Đình Khê, Đội Khố đồ hưu trí, đem vợ con đến ở trong Y miếu và sinh hoạt của gia đình này gây mất vệ sinh ảnh hưởng tới hàng xóm chung quanh⁷. Do không thấy hồi âm nên vào năm 1937, dân xóm Trung Liệt lại một lần nữa báo trình vụ việc. Vì ngôi đền này thuộc quyền quản lý của tỉnh Hà Đông, chính quyền thành phố Hà Nội chỉ tác động tới đương sự về phương diện vệ sinh. Tuy nhiên, trong công văn trao đổi giữa Đốc lý Hà Nội với Công sứ tỉnh Hà Đông (đề ngày 23/9/1937 và ngày 28/10/1937), Đốc lý Hà Nội H. Virgitti cũng đã gợi ý một kế hoạch chuyển Y miếu vào khu vực Văn miếu và cho rằng như thế sẽ mang lại nhiều ích lợi, song Công sứ Hà Đông cho rằng vấn đề này cần tham khảo ý kiến bộ Lễ của triều đình Huế cũng như Giám đốc trường Viễn đông bác cổ. Sau đó, vào năm 1939, hai nhóm thầy thuốc Hà Nội làm đơn xin lập Hội đồng trông coi Y miếu và đây cũng là sự kiện cuối cùng trước 1945 liên quan tới Y miếu được ghi nhận trong hồ sơ.

Trong khoảng 1940-1950, không có sự kiện nào liên quan tới Y miếu được ghi nhận. Từ 1950-1952, Y miếu do Hội Văn hóa tạm thời quản thủ. Tới năm 1953, Hội trưởng Tổng Chi hội Y dược Việt Nam (Bắc Việt) là Thủ khoa Nguyễn Tảo xin cho Hội Y dược giữ gìn để phụng sự tiên y và sử dụng làm trụ sở vĩnh viễn của Hội. Đề

ng nghị này đã được chấp nhận bằng công văn của Thủ hiến Bắc Việt gửi Thị trưởng thành phố Hà Nội ngày 31/3/1953.

Thuộc ba phong tài liệu khác nhau, ba hồ sơ trên đây góp phần cung cấp những thông tin liên quan tới lịch sử Y miếu Hà Nội trong suốt nửa đầu thế kỷ XX. Cùng với những biến động chính trị của lịch sử Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX nói chung cũng như của lịch sử Hà Nội nói riêng, Y miếu Hà Nội cũng trải qua những thăng trầm trên nhiều phương diện.

Trước hết là những thay đổi về địa danh hành chính, như tài liệu lưu trữ cho thấy, trong nửa đầu thế kỷ XX, Y miếu thuộc thôn Văn Tân (làng An Hòa), rồi xóm Trung Liệt. Nằm trên địa phận thành phố Hà Nội nhưng vốn do quan tỉnh Hà Đông quản lý, nhờ ý kiến ủng hộ của các đời Tổng đốc Hà Đông mà trong hai thập niên đầu thế kỷ XX, mặc dù không có nơi thờ tự chính thức do Y miếu dựng thời Hậu Lê đã đổ nát, việc thờ phụng các vị tiên tổ ngành y vẫn được tiến hành ở đền Trung Liệt cũ. Nếu như trong *Hà Nội nửa đầu thế kỷ XX*, Nguyễn Văn Uẩn viết rằng, không còn ai nhớ được “chỗ nào là di chỉ của đền Trung Liệt mà Hoàng Cao Khải đưa về dựng ở Thái Hà áp” [9, tr.962] thì các tài liệu lưu trữ trên đây đã mang tới lời giải đáp. Hơn nữa, tài liệu thứ ba còn khẳng định thêm một chi tiết quan trọng liên quan tới lịch sử của Y miếu: cho tới những năm 1930, Y miếu vẫn nằm tại vị trí đền Trung Liệt cũ. Và chính một vị Đốc lý Hà Nội người Pháp (trước H. Virgitti) - Louis Frédéric Eckert, trong nhiệm kỳ của mình (29-3-1933 đến 1-1-1934) đã sai dọn dẹp và tu sửa Y miếu !

Lịch sử y miếu Thăng Long - Hà Nội đồng thời cũng gắn với lịch sử nền Đông y

nước nhà khi mà Tây y được chính quyền thuộc địa chính thức sử dụng, y học dân tộc bị gạt bên lề. Từng gắn với Lương y ty, nhưng nếu như vào đầu thế kỷ XIX, Y miếu từng được người đứng đầu Lương y ty Bắc thành đứng ra xướng suất sửa sang, mở rộng khang trang hơn như bài ký của Phạm Quý Thích cho thấy [3], hai thập niên đầu thế kỷ XX, trước cảnh không có nơi phụng thờ chính thức các vị tiên tổ ngành y, các thầy thuốc ở Lương y ty ở Hà Nội, hẳn cũng thúc thủ bởi hoàn cảnh lúc này hoàn toàn đã khác trước. Dưới tác động của chính sách y tế của chính quyền thuộc địa, Lương y ty - cơ quan y tế địa phương của triều đình nhà Nguyễn dần bị xóa sổ [4], tới thời điểm 1915 có thể nói không còn tồn tại. Báo cáo của Tổng đốc Hà Đông Vi Văn Định trong tài liệu thứ ba cũng nói đến tình trạng không người trông nom Y miếu Hà Nội sau khi Lương y ty bị xóa bỏ (Y miếu trước đó do Lương y ty trông coi), và nhất là sau khi mất vào năm 1920 của Nguyễn Đình Chuẩn, Y sinh cuối cùng của Lương y ty Hà Nội. Tổng đốc Hà Đông lúc ấy phải nhờ người con của Nguyễn Đình Chuẩn (chính là Nguyễn Đình Khê được nhắc tới trong các tài liệu trên). Thiếu vắng cơ quan chính thức trông coi nên việc tiến hành nghi lễ cũng như cai quản, giữ gìn Y miếu không còn được chín chu như xưa nữa. Đây chính là lý do căn bản khiến cho Y miếu trong ba thập kỷ đầu thế kỷ XX, từ khi được chuyển qua đền Trung Liệt cũ, đã ba lần trải qua nguy cơ bị “đòi” lại địa điểm để dùng cho mục đích thờ tự khác của dân địa phương. Và phía chính quyền thành phố Hà Nội thì cũng từng có ý tưởng đưa Y miếu vào cùng khu Văn miếu (!).

4. Kết luận

Nếu như lịch sử Y miếu Thăng Long - Hà Nội trước nửa đầu thế kỷ XIX được phản ánh qua các tài liệu chữ Hán thì lịch sử Y miếu Thăng Long - Hà Nội từ cuối thế kỷ XIX tới giữa thế kỷ XX được biết đến là nhờ các tài liệu lưu trữ của chính quyền thuộc địa. Khởi dựng từ cuối thế kỷ XVIII (năm 1750), tới thập niên 80 của thế kỷ XIX, Y miếu Thăng Long chỉ còn lại nền cũ và từ năm 1887 trở thành nơi dời tới của chùa Tàu (chùa Phổ Giác). Việc thờ phụng các vị tiên tổ ngành y từ cuối thế kỷ XIX được tiến hành tại đền Trung Liệt cũ do đền Trung Liệt được chuyển về ấp Thái Hà năm 1890. Cho tới đầu thập niên 1930, Y miếu được một vị Đốc lý Hà Nội cho sửa sang lại.

Không được nhiều may mắn như Văn miếu ngay gần đó, theo biến thiên của thời gian cũng như của lịch sử, Y miếu Thăng Long - Hà Nội đã trải những thăng trầm, không chỉ vị trí thay đổi mà quy mô, kiến trúc Y miếu Thăng Long - Hà Nội cũng không còn được như xưa⁸ [7]. Song, chúng ta vẫn còn tìm hiểu được lịch sử Y miếu Thăng Long - Hà Nội qua những trang tài liệu hiện còn rất ít.

Chú thích

² Tấm bia này dựng năm Giáp Ngọ niên hiệu Cảnh Hưng thứ 35 đời Lê (1774).

³ Một số bài viết về Y miếu của các tác giả như Lê Trần Đức, «Di tích “Y miếu” Hà Nội», *Tạp chí Đông y*, No 134 năm 1975 và Lâm Giang, «Y miếu Thăng Long», *Thông báo Hán Nôm học* 2004 (tr.176-180) đều nhắc tới Y miếu ký của Phạm Quý

Thích nhưng lại cho rằng năm Giáp Ngọ trùng tu Y miếu trong bài ký của Phạm Quý Thích là năm 1834 (tức năm niên hiệu Minh Mạng 15). Điều này là không hợp lý bởi Phạm Quý Thích (1760-1825) mất từ năm 1825 thì đương nhiên năm Giáp Ngọ ông đề cập không thể là Giáp Ngọ 1834 được mà phải là năm Giáp Ngọ 1774 (chính là năm dựng tấm bia Y miếu bi văn).

⁴ Trong bài viết này, chúng tôi giữ nguyên lỗi chính tả của tài liệu trích dẫn (nếu có).

⁵ Sách có ấn bản lần đầu từ 1986 (Nxb Hà Nội) nhưng có lẽ tới 1995 mới ra đời bản đầy đủ. Sau đó sách được tái bản nhiều lần vào các năm 2000, 2010, 2016.

⁶ Sự thay đổi này đã kéo theo nhiều thay đổi khác của thành phố Hà Nội, về diện tích, về tên gọi các địa danh (do địa giới thành phố Hà Nội không ngừng được mở rộng), về tổ chức bộ máy hành chính (theo kiểu Pháp) cũng như về cách thức quản lý hành chính, văn hóa.... Chẳng hạn về diện tích, theo *Hà Nội qua tài liệu và tư liệu lưu trữ 1873-1954*, địa giới hành chính ban đầu của thành phố Hà Nội vào thời điểm 1888 khá nhỏ bé. “Thành phố Hà Nội lúc đó bắt đầu từ Sở Thuế quan (Bảo tàng Cách mạng Việt Nam), qua Blockhaus Nord (lô cốt phía bắc nay thuộc phố Phó Đức Chính), đường Grand Bouddha (phố Quán Thánh), đường bao quanh thành Hà Nội, cửa Sơn Tây kéo dài đến đường phủ Thanh Oai (phố Văn Miếu, một đoạn phố Quốc Tử Giám và một đoạn phố Tôn Đức Thắng), Pagode des Corbeaux (Văn Miếu - Quốc Tử Giám), chùa Sinh Từ, đường Huế (phố Duy Tân, nay là phố Huế), công sự Huế, qua đê thuộc khu nhượng địa (khu Đồn Thủy) cho đến tận sông Hồng”.

⁷ Nguyên văn tờ bìa năm 1933 được viết bằng tiếng Việt như sau:

(chúng tôi giữ nguyên lỗi chính tả của tài liệu trích dẫn)

“Hanoi, le 4 novembre 1933,
Cụ lớn Đốc lý thành phố Hà Nội,
Bẩm lạy Cụ lớn Đốc lý,

Nguyên sớ Trung Liệt chúng con thuộc hộ thứ sáu Hà Nội có ngôi đền Y viện trước kia là của nhà vua lập ra ngôi đền ấy để thờ các quan chung thân, ước chừng 35 năm nay, cụ quận Hoàng Cao Khải rước ra Thái Hà ấp, khi bấy giờ các ông Điều hộ (Médecins) xin với cụ Quận ngôi đền ấy để thờ các ông thánh dậy làm thuốc, nhưng ước chừng 25 năm nay, các ông Điều hộ chết hết cả rồi, từ bấy đến nay, ngôi đền ấy chẳng có ai thờ cúng nữa, ước độ 15 năm nay có tên lính tập mãi tên là Khê đem hai vợ chồng và năm đứa con đến chiếm ở ngôi đền ấy, hình như nhà giêng của tên ấy nào là nước bắn cho chảy ra cả ngoài đường và nhà hôi thì không che dậy gì hết, mùi hôi thối thì xông ra cả hàng xóm làm mất hết vệ sinh chung. Và lại ngôi đền ấy ngày xưa thì thuộc về của nhà vua, nhưng bây giờ thì thuộc về của chính phủ bảo hộ, nếu Cụ lớn không tin, xin Cụ lớn phái người xuống cha xét lý lịch xem có thật thế không, nếu quả thực thuộc về chính phủ bảo hộ sin cụ lớn làm ơn ra lệnh đuổi tên Khê ấy đi, để hàng xóm chúng con khỏi hại về chung và bớt được một tên giu con giu đặng, chúng con cảm ơn Cụ lớn lắm lắm. Nay lạy bẩm”.

⁸ Bài *Y miếu* ký của Phạm Quý Thích cho biết cấu trúc Y miếu Thăng Long ở đầu triều vua Gia Long gồm có Miếu (hai bên là Tả tòa, Hữu tòa), Đường và Nghi môn (trụ). Tới những năm cuối thập niên 30 của thế kỷ XX, Y miếu Hà Nội theo miêu tả của một thầy thuốc Đông y đương thời là Nguyễn Di Luân (trong “Thăm tòa Y miếu”, *Đông y tùng báo*, số 2.1939) thì đó là “một tòa cổ miếu đồ sộ, kiến trúc theo lối cổ,

đền cất kiêu chùng diêm, có ba lớp mái, nền cũng đắp ba cấp, sâu lối thượng thực hạ hư, quy mô kiên cố, rồng bay phượng múa, hạc đứng nghê châu...”.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Viết Chức (Chủ biên) (2010), *Từ điển đường phố Hà Nội*, Nxb Hà Nội.
- [2] Đào Thị Diễm (Chủ biên) (2010), *Hà Nội qua tài liệu và tư liệu lưu trữ 1873-1954*, t.1, Nxb Hà Nội.
- [3] Nguyễn Thị Dương (2019) “Y miếu Thăng Long - Hà Nội qua bài ký của Phạm Quý Thích”, Tạp chí *Hán Nôm*, số 1.
- [4] Nguyễn Thị Dương (2019), *Les médecines traditionnelles au Việt Nam à l'époque de la colonisation française (1862-1945)*, Luận án Tiến sĩ bảo vệ tại Trường Đại học Paris Diderot-Paris 7 (chương 4 : Cơ quan y tế của triều đình nhà Nguyễn ở các tỉnh [Le service médical officiel dans les circonscriptions de niveau provincial]).
- [5] Lê Trần Đức (1975) “Di tích “Y miếu” Hà Nội”, Tạp chí *Đông y*, số 134.
- [6] Lâm Giang (2004), “Y miếu Thăng Long”, *Thông báo Hán Nôm học*.
- [7] Nguyễn Di Luân (1939), “Thăm tòa Y miếu”, *Đông y tùng báo*, số 2.
- [8] No 2853, *phông Tòa công sứ Hà Đông*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I (Hà Nội).
- [9] Nguyễn Văn Uẩn (2000), *Hà Nội nửa đầu thế kỷ XX*, Nxb Hà Nội.
- [10] Văn bản “Y miếu bị văn” đã được đưa vào *Tuyển tập văn bia Hà Nội*, quyển II, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978.